TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 01 Tổ : 001

21-07-2014 Mã nhậ n dạ ng01055

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Mô và mô bệ nh họ c thuỷ sả n-206302 Ngà y Thi : 12/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thí RD103 Nhó m : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (20%) TH	Đ 2 (10%) ĐD	Điể m thi 70%	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
1	12116338	NGUYỄN PHẠM QUỐC	DUY	DH12NY			9	10	5,4	6,6	6	6
2	12116234	NGUYỄN THANH	DUY	DH12NY			8,5	10	8,0	8,3	8	3
3	12116208	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH12NY			9,5	10	9,3	9,4	9	4
4	12116299	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	DH12NY			8,5	10	6,3	7,1	7	1
5	12116377	TRƯƠNG MINH	HẬU	DH12NY			8,5	10	6,3	7,1	7	1
6	12116056	HOÀNG VĂN	HƯNG	DH12NY			9,5	10	7,1	7,9	7	9
7	12116343	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH12NY			10	10	8,6	9,0	9	0
8	12116217	THẠCH SÓC	KHA	DH12NY			8,5	10	7,6	8,0	8	0
9	12116267	NHAN THANH	KIỆT	DH12NY			8,5	10	6,8	7,5	7	5
10	12116005	LÂM HOÀNG	LAI	DH12NY			9	10	5,4	6,6	6	6
11	12116347	PHẠM THÙY	LINH	DH12NY			10	10	9,3	9,5	9	5
12	12116183	VÕ THỊ THU	LỘC	DH12NY			10	10	8,1	8,7	8	7
13	12116079	ĐẶNG THỊ KIM	NGÂN	DH12NY			9	10	6,9	7,6	7	6
14	11141133	TRỊNH THỊ THẢO	NGUYÊN	DH11NY			10	10	8,3	8,8	8	8
15	12116336	LÊ THANH	NHÀN	DH12NY			9,5	10	8,0	8,5	8	5
16	12116385	VÕ TÚ	NHÂN	DH12NY			9	10	8,8	9,0	9	0
17	12116388	LÊ THỊ	NHUNG	DH12NY			9	10	6,7	7,5	7	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 01 Tổ : 001

Mã nhậ n dạ ng01055

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Mô và mô bệ nh họ c thuỷ sả n-206302 Ngà y Thi : 12/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi RD103 Nhó m : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (20%) Thi	Đ 2 (10%) Đồ	Điể m thi 70%	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
18	12116373	LÊ THẢO	NHƯ	DH12NY			10	10	9,5	9,7	9	7
19	12116315	ĐỖ THỊ HỒNG	PHẤ	DH12NY			9,5	10	6,8	7,7	7	7
20	12116023	ĐOÀN VĂN	QUẢ	DH12NY			8,5	10	6,9	7,5	7	5
21	12116105	VÕ MINH	QUÂN	DH12NY			9,5	10	7,8	8,4	8	4
22	12116278	PHẠM HOÀI	SƠN	DH12NY			8	10	6,4	7,1	7	1
23	12116192	NGUYỄN THỊ DIỆU	SƯƠNG	DH12NY			9,5	10	7,8	8,4	8	4
24	12116171	THẠCH THỊ SÔ	THI	DH12NY			9,5	10	8,5	8,9	8	9
25	12116015	LÊ CÔNG THÁNH	THIỆN	DH12NY			9	10	8,3	8,6	8	6
26	12116282	VÕ THỊ THU	THOA	DH12NY			10	10	9,3	9,5	9	5
27	12116316	TRỊNH THỊ THANH	THÚY	DH12NY			8,5	10	6,8	7,5	7	5
28	12116249	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	DH12NY			8,5	10	6,8	7,5	7	5
29	12116367	NGUYỄN MINH	TÙNG	DH12NY			8,5	10	5,6	6,6	6	6
30	12116148	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	DH12NY			9,5	10	7,1	7,9	7	9
31	11141003	LÂM THANH	VŨ	DH11NY			3,0	10	5,3	5,3	5	3
32	12116018	LÊ THỊ	XUÂN	DH12NY	Xuân		10	10	8,0	8,6	8	6
33	11141061	TRẦN NHƯ	Ý	DH11NY			10	10	6,7	7,7	7	7

Số lượ ng vắ ng: Hiệ n diệ n: : 15

Cá n bộ coi thi 1 Cá n bộ coi thi 2 Xá c nhậ n củ a khoa/bộ mô n Cá n bộ chấ m thi 1 Cá n bộ chấ m thi 2

Trần văn Minh T.N.Anh Hue Nguyễn Hữu Trung Lưu Thị Thanh Trúc